

THƯƠNG MẠI CHỨNG CHỈ GIẢM PHÁT THẢI CƠ HỘI KINH DOANH CHO VIỆT NAM TRONG THỊ TRƯỜNG TÍN DỤNG CARBON TOÀN CẦU

ThS. Trương Mỹ Diễm*

TÓM TẮT

Khi mà hàng loạt các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày từ kinh doanh, sản xuất, thương mại, vận chuyển đến các hình thức sinh hoạt khác của con người chính là nguyên nhân trong vấn đề biến đổi khí hậu. Khi mà các hiện tượng nóng dần lên của trái đất, nước biển dâng cao, và thời tiết đang biến đổi một cách khắc nghiệt đã dường như không còn là chuyện của một đất nước, một khu vực đơn lẻ, mà là chuyện chung của toàn thế giới. Vậy làm thế nào để giảm sự gia tăng lượng khí thải độc hại gây hiệu ứng nhà kính¹? Vấn đề đặt ra là cần xây dựng chiến lược phát triển kinh tế theo hướng phát triển bền vững.

Hướng đến một nền kinh tế phát triển bền vững, cộng đồng quốc tế hôm nay cần thiết phải tìm ra một đáp án dung hòa tốc độ phát triển kinh tế - xã hội với việc bảo vệ môi trường. Bài viết đặt biệt chú trọng vào chiến lược phát triển bền vững được tập trung trọng tâm ở phân khúc giảm thiểu khí thải nhà kính (GHG²) nhằm mục đích khai thác một loại sản phẩm dịch vụ duy nhất: đó chính là khoanh vùng dự án cho việc "trồng và bảo vệ rừng" để đạt được "tín dụng carbon" (còn gọi là Chứng chỉ giảm phát thải: CER³). Thông qua các dự án theo cơ chế phát triển sạch (CDM⁴), người ta có thể tạo ra sản phẩm CER và bán vào thị trường tín dụng carbon hiện rất được phổ biến ở các quốc gia Châu Âu, Úc, Nhật, Mỹ, ... nhưng thị trường carbon tại Việt Nam vẫn còn quá mới mẻ. Vậy làm thế nào để có thể tìm kiếm cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực bán CERs thông qua các dự án CDM trồng và bảo vệ rừng tại VN? Bài viết cũng sẽ cung cấp những thông tin về thị trường carbon toàn cầu và những triển vọng cho việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh ấy.

Từ khóa: biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, thị trường carbon, khí thải nhà kính, CER, CDM.

ABSTRACT

Our climate is changing due to a wide range of human activities from trading, producing, travelling, and transporting to other daily work and family life activities. The concern of environmental protection seems to be shared world-wide. The increase of emissions of greenhouse gases and hazardous substances into the atmosphere is becoming increasingly serious. In order to have an economy of sustainable development, a global village today needs to determine an answer to direct its socio-economic development in association with environmental protection, as well as to prepare for and respond to the effects of a changed climate. One of the best methods to deal with the issue is tree-planting and forest protection in order to achieve carbon credits (or called Certified Emission Reduction: CER). This article deals with developing a new product and service which has its basic characteristic is environmental protection to reduce carbon dioxide. Although carbon credits that create a market for reducing greenhouse gas emission is currently common in Europe, Australia, Japan and etc., the carbon market in Vietnam is still

* GVCH Khoa QTKD, Trường Đại học Mở Tp.HCM

¹ Kết quả của sự trao đổi không cân bằng về năng lượng giữa trái đất với không gian xung quanh, dẫn đến sự gia tăng nhiệt độ của bầu khí quyển. Hiện tượng này diễn ra theo cơ chế tương tự như nhà kính trồng cây và được gọi là hiệu ứng nhà kính. Sự gia tăng nhiệt độ do hiệu ứng nhà kính có tác động mạnh mẽ tới nhiều mặt của môi trường trái đất: tan băng, nước biển dâng cao, thời tiết nóng lên, mầm bệnh xuất hiện...

² GHG: Green House Gas: Khí thải nhà kính

³ CER: Certified Emission Reduction : Chứng chỉ giảm phát thải

⁴ CDM: Clean Development Mechanism: Cơ chế phát triển sạch

silent. In fact, Vietnam have enough conditions to develop the product of carbon credit for sell in order to get benefits for community, however, it has nothing achievement. So how can Vietnam create a quality product and service of carbon credit that meet international standards and promote it in the global marketplace?

Keywords: *climate change, sustainable development, carbon market, reducing greenhouse gas emissions, CER, CDM.*

1. Đặt vấn đề

Sự hội nhập sâu sắc của những thị trường đơn lẻ vào một thị trường chung toàn cầu trong những thập niên gần đây đã thể hiện sự bất đồng giữa các quốc gia đề cao mô hình phát triển, lấy tăng trưởng kinh tế làm trọng tâm, dựa trên nền tảng của những phát minh công nghệ tiêu tốn năng lượng, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường; và một đằng là những quốc gia chịu thiệt hại nặng nề do biến đổi khí hậu – mà nguyên nhân sâu xa chính là do sự phát triển kinh tế không bền vững mang lại. Rõ ràng tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt bậc đã mang lại những ảnh hưởng tích cực cho nền kinh tế quốc gia nói riêng. Cụ thể mức sống của người dân tăng nhanh, tỷ lệ thất nghiệp giảm đáng kể trong những thập niên gần đây; tốc độ tăng trưởng kinh tế, GDP, thu nhập bình quân đầu người của hầu hết các quốc gia tăng vượt trội; điều kiện sống, cơ sở hạ tầng: điện – đường – trường – trạm đã được cải thiện; mức sinh hoạt và các vấn đề về an sinh xã hội đã được nâng cao ... Đơn cử con số thu nhập bình quân đầu người Trung Quốc từ 380 nhân dân tệ vào năm 1978 lên 19 ngàn nhân dân tệ (tương đương 2.760 USD) trong 20 năm sau đó; hay tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ tăng liên tục từ 3,4 ngàn tỷ USD năm 1983 lên 8,3 ngàn tỷ năm 1998 và đến cuối năm 2006 con số này đã đạt mức 13,2 ngàn tỷ USD. Song song với những tích cực nêu trên, bao hệ lụy khác lại nảy sinh, đầu tiên đó chính là những tác hại của sự phát triển kinh tế mang đến thảm họa cho môi trường. Những tác hại xấu đến môi trường là hệ quả tất yếu của bầu khí quyển bị xuống cấp nghiêm trọng, mực nước biển tăng, nhiệt độ nóng dần lên, nhiều thiên tai, động đất, hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh, ... đã xuất hiện tràn lan

ở quy mô diện rộng làm tổn hại hàng chục tỷ USD và hàng trăm ngàn người bị thiệt mạng.

Có thể nói: vấn đề biến đổi khí hậu hiện nay được coi là mối đe dọa môi trường nghiêm trọng nhất mà loài người đang phải đối mặt. Hàng loạt các báo cáo, công trình nghiên cứu khoa học của các tổ chức quốc tế, Ủy ban liên Chính phủ về biến đổi khí hậu đã thừa nhận: sự nóng lên của trái đất hiện nay là một thực tế và sẽ tiếp tục diễn ra. Nguyên nhân của vấn đề này là do sự gia tăng nhanh chóng nồng độ khí nhà kính trong khí quyển. Tác động của biến đổi khí hậu đã không chỉ dừng lại trong phạm vi mỗi quốc gia mà là vấn đề mang tính toàn cầu. Theo tại 10 quốc gia⁵ bị áp lực thiên tai nặng nề nhất trong giai đoạn 1998 – 2008 cho thấy đã có khoảng 11 ngàn trận bão, lũ lụt, hạn hán... khiến 600 ngàn người thiệt mạng, gây thiệt hại 1.700 tỷ USD. Chỉ riêng tại Việt Nam, trung bình mỗi năm thiên tai đã cướp đi 450 mạng sống và tổng mức thiệt hại có thể trên 1,5 triệu USD.

Hiện tại, các cơ quan khí tượng trong và ngoài nước đã có những thông báo và dự báo tình hình về nhiệt độ và mực nước biển tăng dần. Cho đến năm 2015, nhiệt độ trung bình sẽ tăng hơn 2 độ C có thể làm tan chảy băng tuyết ở những vùng ôn đới, mực nước biển sẽ dâng cao từ 0,4 đến 1,4m và nhấn chìm những hòn đảo nhỏ và Bangladesh. Đến năm 2080, khoảng 50 đến 100 triệu người Bangladesh cần được di chuyển khỏi những vùng bờ biển. Riêng Việt Nam, trong 50 năm qua, nhiệt độ trung bình hàng năm nước ta tăng khoảng 0,5 – 0,7 độ C, mực nước biển dâng khoảng 20cm; và đến cuối thế kỷ này, nhiệt độ trung bình có

⁵ Bangladesh, Myanmar, Honduras, Việt Nam, Nicaragua, Haiti, Ấn Độ, cộng hòa Dominica, Philippine và Trung Quốc.

thể tăng lên 2,3 độ C so với trung bình thời kỳ 1980 – 1999 và mực nước biển có thể dâng thêm 75cm đến 1m. Nếu mực nước biển dâng lên 1m, sẽ có 10% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp, tổn thất đối với GDP khoảng 10%⁶.

Những hệ quả trình bày trên đã đặt ra vấn đề là đòi hỏi một nền kinh tế thế giới cần phải phát triển bền vững. Có nghĩa là phát triển vừa đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhưng những tác hại đằng sau nó cần được khắc phục và quan tâm đúng mức. Trước tiên đó là sự nỗ lực thích ứng với biến đổi khí hậu, cắt giảm khí thải, bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng.

Đối với nghị định như Kyoto (KP⁷), đây là một chiến lược khả thi để thực hiện Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về thay đổi khí hậu (UNFCCC⁸). Việt Nam (VN) đã ký tham gia UNFCCC ngày 11/6/1992 và phê chuẩn UNFCCC ngày 16/11/1994; ký KP ngày 03/12/1998 và phê chuẩn ngày 25/9/2002, và là một quốc gia thuộc nhóm không bắt buộc giảm phát thải khí nhà kính. VN nằm trong danh sách 11 quốc gia chịu thiệt hại nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu. VN nhận được sự quan tâm đặc biệt của chính phủ các quốc gia đã phát triển, các tổ chức quốc tế về việc hỗ trợ kỹ thuật lẫn tài chính cho công tác hưởng ứng với cuộc vận động chống lại những thiệt hại do biến đổi khí hậu mang lại. Riêng trong lĩnh vực lâm nghiệp, VN vẫn chứng minh được đây là quốc gia có khả năng triển khai các dự án CDM và tham gia vào mạng lưới thị trường tín dụng carbon toàn cầu.

Với những tiền đề trên, bài viết sẽ đặc biệt chú trọng vào chiến lược phát triển bền vững được tập trung trọng vẹn ở phân khúc giảm khí thải, và chỉ với một loại sản phẩm duy nhất: đó chính là “sản phẩm rừng trồng” nhằm mục tiêu đạt được CER thông qua các dự án CDM. Bài viết cũng cung cấp thông tin về thị trường carbon toàn cầu và những triển vọng cho việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh từ lĩnh vực bán CERs thông qua các dự án CDM trong lĩnh vực trồng và bảo vệ rừng của VN.

2. Cơ chế phát triển sạch (CDM)

KP đã đề cập khá rõ về vấn đề phát triển bền vững và một trong ba cơ chế linh hoạt⁹ trong nội dung của nghị định ấy chính là phát triển các dự án CDM. Theo Cơ chế phát triển sạch (CDM) được đề xuất bởi KP, những dự án giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính nhằm chống lại biến đổi khí hậu và tăng cường phát triển bền vững của các nước đã phát triển có thể nhận được “tín dụng carbon” hay CERs từ những nước đang phát triển. Việc thực hiện KP tạo cơ hội cho các nước đang phát triển nhận được những giá trị kể cả kinh tế và môi trường cho phát triển bền vững, đặc biệt là ở các nước vùng nhiệt đới. Cơ chế phát triển sạch cũng sẽ làm gia tăng sự quan tâm của các bên có liên quan trong việc phát triển rừng trồng bền vững ở các nước đang phát triển. Hay nói một cách khác, CDM nhằm giúp các nước công nghiệp đầu tư vào các dự án môi trường tại các nước kém và đang phát triển để có được CERs. Như vậy là thay vì bỏ ra nhiều chi phí để giảm ngay lượng phát thải tại nước mình, những quốc gia đã phát triển sẽ dùng số vốn đó đầu tư vào nước đang phát triển để nước này giúp họ giảm phát thải các loại khí gây GHG [Các loại khí nhà kính chính được nêu trong KP là: Casebonic (CO₂), Meetan (CH₄), Ôxít nitơ, Hydrofluorocacbon (HFC₃), Perfluorocacbon (PFCs) và Sunphua hexafluorit (SF₆)]. Kết quả là lượng phát thải của thế giới giảm đi. Một số lĩnh vực đã được triển khai trong việc phát triển dự án CDM trên thị trường toàn cầu (Sơ đồ 1).

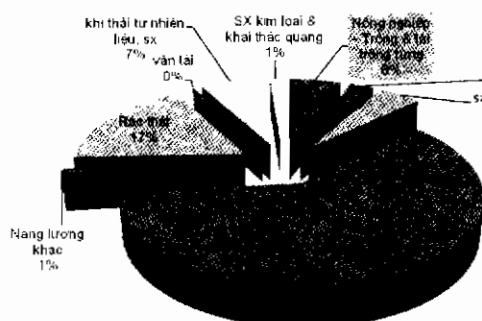
⁶ Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, Kịch bản dự thảo biến đổi khí hậu, 6-2009.

⁷ Nghị định thư Kyoto (KP) được thông qua tháng 12/1997, và bắt đầu có hiệu lực từ 16/02/2005. Đến nay đã có trên 170 nước phê chuẩn. KP đã thiết lập một khuôn khổ pháp lý mang tính toàn cầu cho các bước khởi đầu nhằm kiểm chế và kiểm soát xu hướng gia tăng phát thải khí nhà kính.

⁸ Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC) được phê chuẩn năm 1992 với mục tiêu là ổn định nồng độ khí nhà kính trong khí quyển ở mức có thể ngăn ngừa sự can thiệp nguy hiểm của con người đối với hệ thống khí hậu.

⁹ Ba cơ chế linh hoạt trong KP, chính là: JI (Joint Implementation - Cơ chế đồng thực hiện), CDM (Clean Development Mechanism - Cơ chế phát triển sạch), ET (Emissions Trading - Buôn bán phát thải).

Sơ đồ 1: Một số lĩnh vực đã được triển khai thực hiện thông qua các dự án CDM



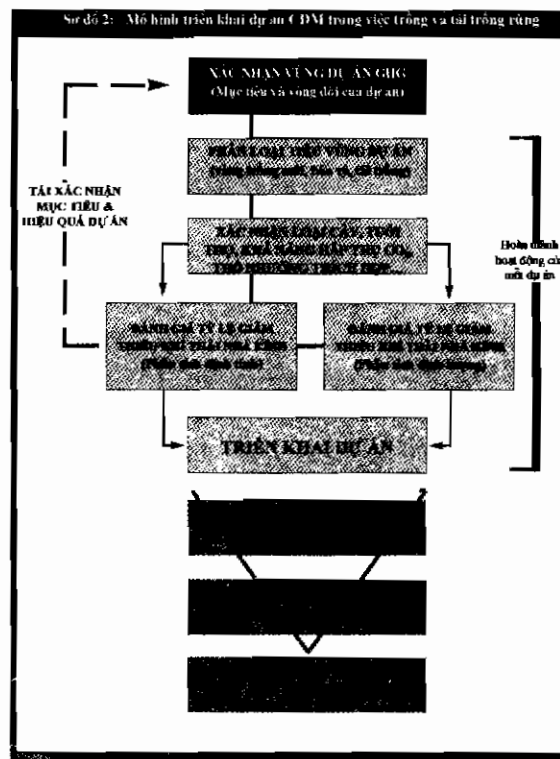
Theo thống kê của UNFCCC, tính đến ngày 3/5/2010, đã có tổng số 2.184 dự án CDM được đăng ký. Trong số này, Trung Quốc là nước có số dự án đăng ký lớn nhất (đồng nghĩa với việc là nước cung cấp CER lớn nhất), với 828 dự án, chiếm khoảng 38% tổng số dự án. Đứng thứ hai sau Trung Quốc là Ấn Độ, với 504 dự án CDM được đăng ký, chiếm 23,08% tổng số dự án. Brasil và Mexico lần lượt đứng thứ ba và thứ tư. Dẫn đầu các quốc gia khu vực Đông Nam Á, Malaysia đã đăng ký 81 dự án, đứng thứ 5 với 3,7% tổng số dự án... Hiện tại, sáu phạm vi dự án mà Việt Nam có thể áp dụng CDM chính là: năng lượng, thu hồi khí mê-tan (bãi rác, khai thác than – khoáng sản...), sản xuất công nghiệp (chủ yếu là sản xuất xi măng và các ngành phát sinh khí HFCs, PFCs, SF6), nông nghiệp, trồng và tái trồng rừng, và vận tải. Và sau 8 năm từ khi phê chuẩn vào KP (2002), VN chỉ mới có 27 dự án đăng ký tại CDM quốc tế của UNFCCC, chủ yếu có quy mô nhỏ. Hai dự án đã được phê chuẩn cho toàn bộ quy trình CDM và được cấp CERs là dự án “thu hồi và sử dụng khí đồng hành mỏ Rạng Đông” và dự án “khôi phục trạm thủy điện Sông Mực – Thanh Hóa”. Và tính đến hết năm nay, VN có thể thu lợi khoản 40 tỷ đồng từ các dự án CDM thông qua bán CERs.

2.1 CDM trong dự án trồng rừng.

CDM trong các dự án lâm nghiệp là cho phép điều chỉnh việc tạo lượng carbon tích lũy trong các khu rừng từ trồng rừng mới, tái trồng rừng hay khoanh vùng bảo vệ rừng ở các nước đang phát triển và bán lượng dự trữ carbon tích lũy cho các quốc gia công nghiệp – đã phát triển, nhằm thực hiện mục tiêu giảm lượng phát thải khí nhà kính theo quy định của KP.

Trong 27 dự án được đăng ký tại ban chấp hành CDM quốc tế có 1 dự án trong lĩnh vực lâm nghiệp, đó là dự án trồng rừng/tái trồng rừng tại huyện Cao Phong – Hòa Bình với vòng đời dự án là 16 năm và có khả năng hấp thụ 43.000 tấn CO₂. Mục tiêu cơ bản của dự án này là tái trồng rừng ở vùng đất trồng đồi trọc không thể sản xuất, nơi rừng đã bị chặt phá để canh tác từ trước 1980 trong tổng diện tích 310 hecta. Khoảng 320 hộ cá thể tham gia trực tiếp vào dự án và được hưởng lợi từ việc bán gỗ và các sản phẩm lâm sản khác trong tương lai. Dự án này nhận được sự hỗ trợ tích cực từ cơ quan hợp tác phát triển của Nhật (JICA) về quy trình đăng ký dự án CDM và kỹ thuật chăm sóc – bảo vệ rừng. Bên cạnh đó, dự án cũng được Honda Việt Nam tài trợ 3,5 tỷ đồng cho ba năm đầu triển khai dự án.

Để đảm bảo chất lượng của dự án CDM trồng/tái trồng rừng, chủ dự án cần cung cấp kế hoạch dự án và được phê chuẩn chính thức từ cơ quan thẩm quyền quốc gia VN (DNA Việt Nam). Cơ bản quy trình triển khai dự án sẽ được triển khai như sau:



2.2 Lợi ích của dự án CDM lâm nghiệp:

2.2.1 Lợi ích về môi trường:

CDM các dự án trồng và bảo vệ rừng mang lại lợi ích về môi trường trước hết là loại bỏ hay giảm thiểu khí độc hại CO₂ trong khí quyển (thông qua sự quang hợp¹⁰), nâng cao chất lượng nước và không khí nhằm bảo tồn đất, chống xói mòn. Việc trồng và bảo vệ rừng giúp duy trì và bảo vệ môi trường hệ sinh thái và động vật hoang dã, ngăn ngừa xói mòn và suy thoái đất, đóng góp cho việc làm chậm lại những tác hại do biến đổi khí hậu, ngăn chặn dòng chảy của bão lũ.

2.2.2 Lợi ích kinh tế:

CDM các dự án lâm nghiệp mang lại lợi ích kinh tế cho dân địa phương trong vùng dự án: thứ nhất là tăng thu nhập từ sản phẩm tín dụng carbon thông qua việc bán CER, và các khoản thu khác từ việc khai thác các sản phẩm ngoài gỗ (trong quá trình dự án) và các sản phẩm lâm sản (sau khi dự án kết thúc).

Những dự án CDM khi được triển khai, ngoài lợi ích thu được từ việc bán CERs, nước chủ nhà còn có cơ hội tiếp cận khoa học công nghệ tiên tiến và nguồn hỗ trợ tài chính từ các tổ chức nước ngoài trong chương trình nhằm chống lại biến đổi khí hậu.

2.2.3 Lợi ích xã hội:

CDM các dự án lâm nghiệp khi được DNA Việt Nam thông qua điều cần thiết trước nhất phải đáp ứng và ứng dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong việc trồng, bảo vệ và quản lý rừng, nhờ thế tăng tính minh bạch và các kỹ thuật trồng và đo lường lượng khí được chuẩn xác hơn. Nhờ thế sẽ hạn chế đến mức tối đa

¹⁰ Trong quá trình quang hợp thì cây quang hợp ánh sáng từ mặt trời để chuyển thành năng lượng hoá học dưới dạng chất glucose đồng thời thải khí oxy: [nước + carbon dioxide + ánh sáng mặt trời = glucose + oxy] $[6H_2O + 6CO_2 \rightarrow \text{năng lượng mặt trời} = C_6H_{12}O_6 + 6O_2]$. Carbon trong glucose được sử dụng để tạo ra cellulose - vỏ cây và được giữ đến khi cây chết và phân hủy. Theo cách này, việc tăng trưởng của cây sẽ làm giảm lượng khí CO₂ do khí thải nhà kính tạo ra trong không khí. Chỉ dùng phép tính đơn giản về độ tăng trưởng của cây thì bất kỳ ai đó cũng có thể tính được lượng khí các bon được hấp thụ bằng việc sử dụng các nhân tố đảo.

việc chặt phá rừng bừa bãi, tránh và giảm thiểu việc cháy rừng ảnh hưởng đến cuộc sống an sinh của bà con quanh vùng và gián tiếp giảm tỷ lệ mất trật tự an ninh xã hội, cải thiện đời sống của người dân địa phương.

2.3 Phương cách tính và đo lường lượng khí thải cho dự án CDM lâm nghiệp

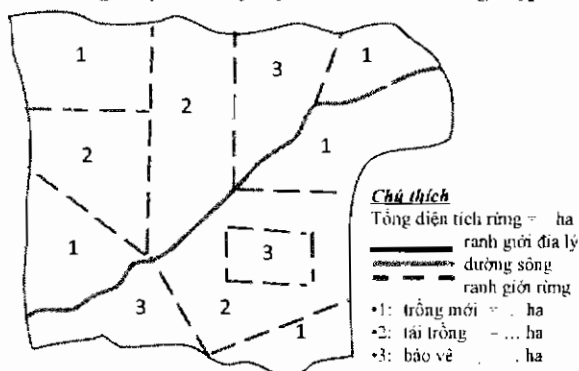
Dự án CDM cần thiết phải lập kế hoạch, trước hết là về tiêu chí kỹ thuật như bản đồ thổ nhưỡng, thể loại cây trồng, tác động môi trường, lượng khí carbon giảm thiểu, tiến độ dự án; bên cạnh đó, dự án cũng cần nêu minh bạch các vấn đề tài chính, phân tích thị trường, số lượng CERs có thể cung cấp,... Để đạt được mục tiêu này, dự án cần phải hoàn tất quá trình đăng ký và được phê duyệt của DNA Việt Nam và UNFCCC.

3. Thị trường tín dụng carbon với sản phẩm CER

3.1 Khái quát sản phẩm và thị trường:

Thị trường carbon là nơi diễn ra các hoạt động mua và bán một sản phẩm nhất định đó là tín dụng. Để tạo ra tín dụng carbon, trong phạm vi nghiên cứu này là khoanh vùng một diện tích đất lâm nghiệp để bảo tồn, hay trồng mới các loại cây nhằm cứu vớt những khu rừng bị tàn phá hoặc có thể trồng thêm rừng. Diện tích được bảo tồn, được tôn tạo hay trồng mới sẽ được quy thành đơn vị gọi là tín dụng carbon.

Sơ đồ 3: Khoanh vùng ranh giới trồng mới, tái trồng hay bảo vệ dự án CDM lâm nghiệp

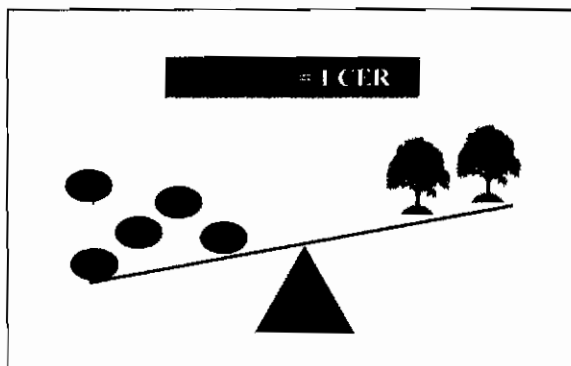


Khách hàng mục tiêu của thị trường trước hết là những doanh nghiệp ở 23 quốc

gia¹¹ bị buộc phải giảm thải khí CO₂ theo một tỷ lệ nhất định (hạn ngạch CO₂). Nhưng vì không đáp ứng được nên cần phải mua tín dụng carbon, có nghĩa là mua “quyền được thải khí”, nếu không phải bị trả mức lũy tiến cao ngất ngưỡng (một loại phí môi trường).

Trong hoạt động kinh doanh khí thải để giảm thiểu khí nhà kính hiện có hai hình thức phổ biến: đó là mua bán hạn mức thải khí giữa đơn vị gây ô nhiễm nhiều có thể mua mức thải khí chưa dùng hết của đơn vị khác để được quyền thải vượt hạn mức. Hoặc mua quyền thải khí qua việc đầu tư vào các dự án môi trường như: trồng rừng, bảo vệ đất, sử dụng năng lượng tái tạo, tăng hiệu suất năng lượng... đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải hay những hóa chất làm trái đất nóng lên. Ở đây, bài viết này chỉ chú trọng đến một loại hình, đó là trồng rừng mới để tạo các bể chứa carbon mới, và phục hồi những diện tích rừng hay giảm phá rừng hoặc đất nông nghiệp suy thoái để có thể hấp thụ CO₂ nhiều hơn. Để đo lường những dự án trồng rừng này, người ta sử dụng hệ thống chung theo tiêu chuẩn quốc tế và gọi tên nó là CER. Một đơn vị CER tương đương với một tấn khí CO₂ (khí gây hiệu ứng nhà kính) quy đổi.

Sơ đồ 4: Mô hình giao dịch CERs



Giả dụ doanh nghiệp vận tải ABC được định hạn mức khí thải là 155 tấn CO₂/năm, nhưng sau khi đo lường mức thải khí của đơn

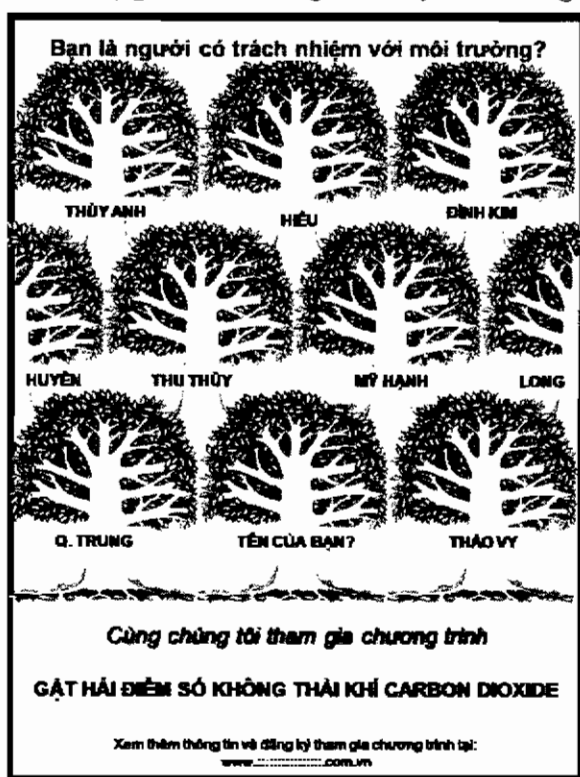
vị này là 165 tấn CO₂/năm. Trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp này là mua 10 CERs để bù đắp cho việc giảm thiểu khí nhà kính. Doanh nghiệp ở quốc gia A có thể mua 10 CERs tại một quốc gia nào đó. Việc có được chứng chỉ giảm phát thải của 10 CERs, doanh nghiệp A đã cam kết giảm được 10 tấn CO₂ (khí gây hiệu ứng nhà kính mà không nhất thiết phải thực hiện ngay tại quốc gia mình). Nếu doanh nghiệp A không mua CERs bù đắp cho lượng khí thải vượt quá khung hạn định, doanh nghiệp này sẽ phải đóng tiền phạt cho việc làm tổn hại môi trường còn nặng nề hơn. Nhờ vậy, CERs nhanh chóng được coi là một món hàng hóa giao dịch trên thị trường carbon toàn cầu.

Ngoài việc cung ứng các dự án rừng trồng được đo lường qua các CER dành cho các đối tượng, mà chủ yếu là những doanh nghiệp trong quá trình vận hành đã sản sinh ra khối lượng lớn khí thải CO₂ như trong lĩnh vực giao thông vận tải, khai thác chế biến dầu, luyện kim, và các ngành công nghiệp nặng. Sản phẩm rừng trồng còn hướng đến một khối lượng khách hàng tiềm năng khác: khách hàng cá nhân – đó là những người quan tâm đến môi trường, đặc biệt nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc trả lại thiên nhiên bầu khí quyển xanh sạch, trả lại cho thế hệ tương lai một quả địa cầu hạn chế tối đa mầm mống của dịch bệnh, và thiên tai,...

Hình dung về dòng sản phẩm chứng nhận rừng trồng dành cho khách hàng cá nhân, hộ gia đình khi tham gia mua CER.

¹¹ Úc, Áo, Bỉ, Canada, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Icelanda, Ý, Nhật, Luxemborg, Hà Lan, Tân Tây Lan, Na Uy, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Hoa Kỳ.

Sơ đồ 5: Sản phẩm dành cho khách hàng cá nhân, hộ gia đình tham gia bảo vệ môi trường



Hiện tại, thị trường tín dụng carbon tại Úc đã khai thác khách hàng tiềm năng là những cá nhân rất hiệu quả. Họ đã khai thác tốt việc hỗ trợ để khách hàng cá nhân có thể tự đo lường và tính toán mức bình quân mỗi năm bản thân họ hay gia đình đã thải bao nhiêu CO₂ vào không khí. Bài toán trực tuyến trên mạng cộng tất cả những đồ dùng, vật dụng như xe, bóng đèn điện, máy giặt, tủ lạnh, macrowave, bàn ủi, máy lạnh, máy hút bụi, máy cắt cỏ, tưới cây, tivi,... và cho ra tổng đáp số là đã thải bao nhiêu tấn CO₂/năm. Với tổng số khí thải CO₂ như vậy, cá nhân đó cần trồng bao nhiêu cây để bù đắp lượng khí thải mình đã làm thiệt hại môi trường, và đổi lại khách hàng sẽ có những giấy chứng nhận và tên tuổi được lưu giữ trên mỗi thân cây.

3.2 Thị trường carbon toàn cầu

Theo số liệu thống kê từ Ngân hàng thế giới¹², tính đến cuối năm 2009 tổng số lượng giao dịch mua bán CERs đạt 8.700 triệu tấn

CO₂, với tổng giá trị thị trường toàn cầu đạt 144 tỷ USD (tương đương €103 tỷ Euro), tăng 6% so với cùng kỳ năm 2008.

Tại Úc, đề án giảm khí nhà kính của thủ phủ New South Wale (GASS¹³), chính thức được triển khai vào ngày 01-1-2003 với mục tiêu đúng như tên gọi của nó. Đây là một trong những chương trình giảm phát thải khí nhà kính bắt buộc đầu tiên của kế hoạch kinh doanh carbon tín dụng trên thế giới. GASS nhắm đến việc giảm lượng phát thải khí nhà kính liên quan đến việc sản xuất và sử dụng điện. Nó đạt được điều này bằng cách sử dụng theo dự án để bù đắp các hoạt động sản xuất phát thải khí CO₂. Tính đến cuối năm 2007 có cả thảy 13 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực mua bán trao đổi khí thải tại thị trường carbon Úc.

Ngoài ra, thị trường carbon ở Úc vẫn rất đa dạng về chủng loại sản phẩm và dịch vụ. Một dự án quản lý rừng nhằm tạo ra tín dụng carbon cho kinh doanh kéo dài trong 4 năm (từ tháng 6/2008 đến 6/2011) đã được thực hiện ở Indonesia, Cambodia, Ecuador, Liberia và Congo. Trong khuôn khổ của dự án này, ngân hàng thương mại McQuarie (Úc) sẽ cung cấp tài chính, đảm trách công việc tiếp thị và bán sản phẩm tín dụng carbon phù hợp với tiêu chuẩn (CER); và tổ chức quốc tế Fauna và Flora (FFI – tổ chức phi chính phủ) sẽ cùng phối hợp với chính quyền và người dân địa phương xây dựng và bảo vệ rừng. Bên cạnh, nhà đầu tư ngân hàng McQuarie thu được lợi nhuận từ việc bán CER, FFI đạt được mục đích chính yếu là giảm thiểu khí thải nhà kính và nâng cao hệ sinh thái, người dân cũng có thêm công ăn việc làm và tăng thu nhập.

Hay dự án 750 ngàn ha (hiện tại đã thực hiện bảo vệ 115 ngàn ha và 350 ngàn ha rừng trồng cho sản xuất gỗ nguyên liệu) tại khu rừng Ulu Masen (tỉnh Aceh, Indonesia). Dự án được ký kết giữa quỹ đầu tư Merrill Lynch và tổ chức Cabon Conversation. Theo Cabon

¹² World Bank (WB)

¹³ The NSW Greenhouse Gas Reduction Scheme (GASS)

Conversation, vòng đời của dự án là 30 năm và bình quân sẽ tạo ra khoảng 3,4 triệu tấn tín dụng carbon/năm. Và như vậy, kết thúc dự án Merrill Lynch sẽ bán được tối thiểu là 102 triệu tấn tín dụng CO₂.

Tuy nhiên, căn cứ theo số liệu thống kê của WB, hệ thống thương mại giảm khí thải nhà kính của châu Âu (EU ETS)¹⁴ – đơn vị chính thức bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 1/2005 – lại thống trị thị trường carbon toàn cầu trong năm 2008 với tổng số thương vụ giao dịch carbon lớn nhất thế giới. Mặc dù cũng không thoát khỏi vòng xoáy của cuộc khủng hoảng tài chính đã khởi nguồn từ cuối năm 2007, thị trường carbon cũng bị vạ lây và giá cả bị giảm đáng kể. Mức bình quân 1 tấn CO₂ dao động trong khoảng 9 đến 11 Euro trong năm qua. Và theo dự báo của WB trong bản báo cáo đánh giá thị trường carbon 2009, giá 1 tấn CO₂ quy đổi trong giai đoạn 2 (từ nay đến 2012) ở mức từ 10 - 17€, nhưng đến giai đoạn 3 (từ sau 2012 – khi nghị định thư Kyoto hết hiệu lực và một hiệp ước khác quy định rõ khung pháp lý ra đời) giá 1 tấn CO₂ quy đổi dự kiến sẽ tương đương 30€.

3.3 Triển vọng cho thị trường carbon tại Việt Nam

Trước tiên cần xác nhận Việt Nam là một quốc gia thuộc nhóm không bắt buộc giảm phát thải khí nhà kính và do đó hoàn toàn đủ điều kiện để trở thành nước chủ nhà dự án CDM – nhà cung cấp sản phẩm tín dụng carbon.

Hiện tại, các tổ chức giáo dục và các đơn vị truyền thông đại chúng cũng đã đẩy mạnh vai trò nâng cao nhận thức về nhu cầu bảo vệ môi trường của người dân và học sinh sinh viên. Điều này đã giúp cho chiến lược truyền thông tiếp thị của các chủ dự án CDM là nâng cao sự nhận biết của khách hàng đối với dòng sản phẩm CER.

Thứ ba, đó là sự cam kết tài trợ của các tổ chức quốc tế và nhiều chính phủ quốc gia

công nghiệp và đã phát triển. Những cam kết tài trợ này đã được công bố trong khuôn khổ hội nghị của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 15 được tổ chức tại Copenhagen (COP15), khi mà Việt Nam nằm trong danh sách là một trong 11 quốc gia chịu thiệt hại nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu. Cụ thể, chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) hứa hỗ trợ 8 triệu USD, Đan Mạch là 53 triệu USD, Nhật Bản cam kết cho vay ưu đãi 450 triệu USD, Hà Lan hứa giúp đỡ xây dựng và củng cố các vành đai biển, sự giúp đỡ của Mỹ là trang thiết bị đo lường, giám sát khí tượng thủy văn và phương cách đối phó với triều cường tại các tỉnh miền Nam Việt Nam... Rõ ràng, sự cam kết tài trợ công khai của chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế cũng tạo điều kiện thuận lợi cho VN tham gia thị trường carbon toàn cầu.

Bên cạnh đó, về thực trạng ngành lâm nghiệp, theo thống kê đến cuối năm 2008, tổng diện tích rừng là 13.118.800 ha, tập trung chủ yếu ở Trung du và miền núi phía Bắc (45.584.000 ha), Bắc trung bộ và duyên hải miền trung (44.974.000 ha), Tây Nguyên (4.199.000 ha). Tài nguyên này đang bị tàn phá qua sức ép dân số, sự phát triển kinh tế và khai thác quá độ. Bình quân Việt Nam mất 200.000ha rừng/năm (1985 – 1995); trong đó 60.000 ha do khai hoang, 50.000 ha do cháy rừng, 90.000 ha do khai thác quá mức gỗ và củi. Ngoài ra, độ đa dạng của hệ thống động – thực vật của VN cũng bị giảm sút nghiêm trọng. Trong thập kỷ qua đã có 200 loài chim bị tuyệt chủng và 120 loài thú bị diệt vong. Rõ ràng thị trường tín dụng carbon mở ra một triển vọng cho VN, nếu chúng ta nhanh chóng triển khai các dự án CDM trong ngành lâm nghiệp. Hiệu quả trước mắt là thu được lợi ích kinh tế từ việc bán CERs, và hàng loạt các hiệu quả vô hình khác như giữ rừng – ngăn chặn dòng chảy mạnh của bão lũ, triều cường, bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học, và đóng góp tích cực vào sự giảm thiểu GHG.

¹⁴ The European Union Greenhouse Gas Emission Trading System (EU ETS)

Biến đổi khí hậu đang dần trở thành là vấn đề chính trị lớn tại Việt Nam, nơi mà các thảm họa thiên nhiên tồi tệ nhất đã và đang cướp đi hằng trăm mạng người/mỗi năm, và tác động tiêu cực của nó ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế quốc gia, đe dọa nguồn cung cấp nước sạch đến nhiều tỉnh thành. Do đó, việc triển khai chương trình khung cho hoạt động kinh doanh khí thải và thiết lập một mục tiêu dài hạn để giảm khí thải sẽ đặc biệt được chính phủ quan tâm. Do đó, trong thời gian tới, bộ khung pháp lý về luật thuế bảo vệ môi trường, hỗ trợ xúc tiến cho thương mại các sản phẩm môi trường sẽ đặc biệt được chú trọng.

Hiện tại, thị trường carbon toàn cầu đang phát triển nhanh chóng. Vả lại, căn cứ vào nghị định như Kyoto, chúng ta biết rõ, khách hàng mục tiêu của chúng ta là ai để có thể triển khai và tiếp thị sản phẩm.

Như phân tích trên, việc phát triển sản phẩm CERs và đẩy mạnh phát triển thị trường carbon tại Việt Nam là hết sức tiềm năng.

4. Kết luận

Việt Nam cần nhanh chóng vào cuộc với việc triển khai vùng đất và giống cây thích hợp, cần thiết lập những đơn vị và đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực để có thể đo lường khí thải nhà kính đúng với tiêu chuẩn quốc tế, và đủ khả năng ban hành chứng chỉ CER và được thị trường thế giới chấp nhận. Chúng ta tích cực tham gia vào thị trường carbon thế giới để kiếm hợp đồng trồng mới hay bảo tồn rừng tăng thu nhập cho nhà đầu tư, cho chủ đất, cho người dân bản địa; để có cơ hội tốt trong sự việc bảo vệ tài nguyên rừng, tài nguyên đa dạng sinh học khác mà chẳng những thế còn tích cực giảm thiểu hệ quả biến đổi khí hậu do lượng khí thải CO₂ từ các nhà

máy, xí nghiệp, từ các phương tiện giao thông vận tải, các điện năng sinh hoạt trong gia đình và công sở... gây ra. Và đằng sau những lợi ích về mặt kinh tế là ngăn chặn được những cơn mưa, bão, lũ lụt, hạn hán,...; và ngăn chặn được những hệ lụy phát sinh từ mực nước biển dâng cao làm ngập ở mức khoảng 15% đến 30% diện tích ở thành phố Hồ Chí Minh và khu vực miền Tây nam bộ.

Để có thể đón đầu cơ hội kinh doanh mới trong thị trường carbon của thời kỳ hội nhập, trước hết, chúng ta cần thiết nâng cao ý thức của người dân, đặc biệt là các học sinh – sinh viên trong việc bảo vệ môi trường. Việc nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường phụ thuộc rất nhiều trong nhiệm vụ giáo dục và đẩy mạnh công tác truyền thông đến mọi tầng lớp nhân dân. Song song đó, chúng ta cũng phải xây dựng chiến lược truyền thông tiếp thị tích hợp cho sản phẩm CER ra thị trường ngoài nước, mà những khách hàng tiềm năng chính là các doanh nghiệp ở các quốc gia bị bắt buộc giảm thiểu khí thải nhà kính (chủ yếu là các quốc gia công nghiệp, đã phát triển). Với những tiềm năng và thuận lợi nêu trên, Việt Nam hoàn toàn có cơ sở gặt hái thành công trong việc triển khai các dự án trồng cây, bảo vệ rừng để tính lũy những CER bán cho các khách hàng doanh nghiệp hay cá nhân từ trong nước cho đến ngoài nước. Nhờ đó có thể chung tay với thế giới bảo vệ môi trường, tạo thêm thu nhập cho người dân địa phương trong vùng dự án và ngăn chặn những ảnh hưởng xấu bởi hậu quả của tình trạng phá rừng bừa bãi gây ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề biến đổi khí hậu mang lại những thiệt hại đáng kể đến nền kinh tế và an sinh quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009, *Kịch bản dự thảo biến đổi khí hậu*, Hà Nội.
2. G M Mourtoza, "No increase over 2 degrees after 2015 – Pachauri", viewed 22/12/09, <http://www.climatemediapartnership.org/reporting/stories/no-increase-over-2-degrees-after-2015-pachauri/>
3. Greenhouse Gas Reduction Scheme. (n.d.), viewed 20/12/09, <http://www.greenhousegas.nsw.gov.au/>
4. <http://www.carbonconservation.com/index.html#whatsnew>
5. http://www.fauna-flora.org/ffj_macquarie_taskforce.php
6. <http://www.vpcf.vn/HinhThucHoatDong-CDM>
7. Karan Capoor & Philippe Ambrosi, 2009, *State and trends of the carbon market 2009*, World Bank.
8. Jean-Yves Martin, 2007, *Phát triển bền vững*, IRD Editions & NXB Thế giới, HN.
9. Nguyễn Chí Thành, Tài nguyên rừng VN, slides trình bày ppt..
10. Nguyễn Đình Hòa, 2007, *Môi trường và phát triển bền vững*, NXB Giáo dục.
11. The European Union Greenhouse Gas Emission Trading System (EU ETS), (n.d.), view 23/12/2009, http://ec.europa.eu/environment/climat/emission/index_en.htm

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BẢO TỒN CÁC DI TÍCH ĐỀN THÁP CHĂM HIỆN NAY

ThS. Đặng Năng Hòa*

Trong di sản văn hóa Chăm hiện nay nổi bật nhất là hệ thống đền tháp với nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật. Từ miền Trung cho đến Tây Nguyên, nơi nào có người Chăm sinh sống thì họ đều xây dựng đền tháp để thờ thần.

Đền tháp Chăm được xây trong thời gian khá lâu, trải qua bao thăng trầm, do thiên nhiên, do chính bàn tay con người và cả sự lãng quên của lịch sử. Những đền tháp Chăm đã bị bào mòn, hư hại khá nhiều, những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc của tháp bị đục khoét, lấy cắp... để lại những tiếc nuối, đau xót cho những người yêu văn hóa.

Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến một số vấn đề nhằm bảo tồn các di tích đền tháp Chăm hiện nay. Qua đó, mong đóng góp một vài ý kiến của mình về việc đánh giá hiện trạng di tích cũng như công tác bảo tồn và trùng tu những di tích đền tháp Chăm. Đề từ đó, góp phần vào việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung và văn hóa dân tộc Chăm nói riêng, đánh giá đúng giá trị của các di tích đền tháp Chăm trong sự nghiệp phát triển văn hóa của đất nước.

1. Hiện trạng các di tích

Công trình khảo cứu “Thống kê khảo tả các di tích Chăm ở Trung Bộ” của H. Permentier¹ ra đời vào đầu thế kỷ 20 đã có một cái nhìn bao quát về những di tích đền tháp Chăm. Kể từ đó cho đến nay, trải qua gần một thập kỷ đầy biến động, nhiều tháp Chăm đã bị sụp đổ hoặc bị hư hại nghiêm trọng. Chiến tranh, thiên nhiên và cả con người đã hủy hoại phần lớn các di tích. Riêng Phật viện Đồng Dương (Vihara) đã bị hủy hoại hoàn toàn.

Nếu tính cả hai khu lớn là Mỹ Sơn và Đồng Dương thì suốt dải đất miền trung hiện nay từ Quảng Nam - Đà Nẵng đến Bình Thuận hiện còn có tất cả 19 khu tháp với 40 kiến trúc lớn nhỏ có niên đại từ thế kỷ thứ IX đến thế kỷ XVI².

Khu tháp Mỹ Sơn: thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Từ năm 1999, thánh địa Mỹ Sơn đã được UNESCO công nhận là một trong các di sản thế giới tại phiên họp thứ 23 của Ủy ban di sản thế giới. Mỹ Sơn là trung tâm tôn giáo và văn hóa của vương quốc

Chămpa cổ khi thủ đô của quốc gia này là Trà Kiệu (Simhapura) hay Đồng Dương (Indrapura).

Tháp Bằng An: Tháp Bằng An thuộc làng Bằng An, xã Điện An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Theo nội dung tấm bia tìm thấy tại Bằng An, vua Bhadravarman II cho xây dựng một đền thờ tên là Linga Paramesvara (thượng đế tuyệt đỉnh - một tên hiệu của thần Siva). Theo các nhà nghiên cứu thì tấm bia này được xây dựng vào khoảng năm 875 đến 977 CN.

Tháp Khương Mỹ: Di tích Khương Mỹ thuộc xã Tam Xuân, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Nhóm Khương Mỹ gồm có 3 tháp, xếp 1 hàng theo trục Bắc - Nam, cửa ra vào ở hướng Đông, là kiểu tháp Cham truyền thống với mặt bằng gần vuông, mái tháp gồm 3 tầng, tầng trên là hình ảnh thu nhỏ của tầng dưới, trên cùng có chóp tháp bằng sa thạch.

Tháp Chiên Đàn: Nhóm tháp Chiên Đàn thuộc xã Tam An, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam. Di tích gồm có 3 tháp xếp thành một hàng theo trục Bắc Nam, cửa ra vào ở hướng Đông Cả 3 tháp có hình dạng gần giống nhau, mặt bằng tháp hình vuông, mái tháp là những tầng thu nhỏ dần lên trên.

* GVCH, Khoa Đông Nam Á Học, Trường Đại học Mĩ Tp.HCM

¹ Parmentier, 1909-1918, H. Inventaire Descriptif des Monuments Cham de L'Annam, Paris. (Bản dịch từ Viện khảo cổ học)

² Ngô Văn Doanh, 1998. Tháp cổ Chăm - sự thật và huyền thoại, NXB Văn hóa-Thông tin, Hà Nội

Tháp Phước Lộc: Tháp Phước Lộc còn có tên gọi Tháp Phú Lộc là hay tháp Vàng tọa lạc tại làng Phú Thành, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Tháp được xây dựng trên một quả đồi cao. Tháp còn có tên là Thốc Lốc, Phốc Lốc, Phú Lốc, Phú Lộc... Trong các thư tịch cổ, tên tháp được chép là Phước Lộc. Người Pháp, trong các công trình nghiên cứu của họ lại gọi là Tour d'Or (tháp Vàng). Tháp có niên đại vào đầu thế kỷ XII. Bình đồ tháp hình vuông mỗi chiều đo được 9,7m. Toàn tháp cao khoảng 15m.

Tháp Cánh Tiên: Tháp Cánh Tiên còn có tên gọi là tháp Đồng là một ngôi tháp nằm ở xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Các nhà nghiên cứu người Pháp theo cách mệnh danh riêng, đã gọi tháp Cánh Tiên là Tháp Đồng (Tour de Cuvre). Theo các thư tịch cổ, tháp Cánh Tiên được xây dựng vào thế kỷ thứ XII, dưới đời vua Chế Mân (Jaya Simhavarman III).

Tháp Bánh Ít: Tháp Bánh Ít còn có tên gọi là tháp Bạc là một cụm các tháp cổ Chăm, hiện nay nằm trên một ngọn đồi tại thôn Đại Lộc, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Tháp được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ X thuộc phong cách chuyển tiếp từ phong cách Mỹ Sơn A1 sang phong cách Bình Định.

Tháp Bình Lâm: Tháp tọa lạc ở xóm Long Mai, thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Trong hệ thống tháp Chăm còn lại của Bình Định, tháp Bình Lâm là nhóm tháp có niên đại sớm nhất. Di tích này được Nhà nước xếp hạng năm 1993

Tháp Thủ Thiện: Tháp Thủ Thiện được xây dựng ở thôn Thủ Thiện, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn. Các tài liệu của người Pháp, họ gọi là Tour de Bronze (Tháp Đồng). Tháp được xây dựng trên một bình đồ hình vuông, mỗi chiều đo được 8,5m.

Tháp Dương Long: tháp Dương Long là cả một quần thể ba ngọn tháp nằm gần nhau nằm trên địa phận hai thôn Vân Tường, xã Bình Hoà và An Chánh, xã Tây Bình, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Tháp có nhiều tên gọi như tháp

Bình An, tháp An Chánh hay tháp Vân Tường. Người Pháp gọi di tích này là Tour d'Ivoire (tháp Ngà) tháp Dương Long được xây dựng trong khoảng cuối thế kỉ VII đến đầu thế kỉ XIII.

Tháp Hưng Thạnh: Tháp Đôi hay còn có tên là Tháp Hưng Thạnh gồm có hai tháp nằm ở phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tháp Đôi có niên đại vào khoảng cuối thế kỷ XII, đầu thế kỷ XIII, trong giai đoạn phong cách Bình Định. Đây cũng là thời kỳ có sự giao lưu thường xuyên giữa Chăm và vương quốc Khmer nên các nghệ thuật kiến trúc – điêu khắc Angkor có ảnh hưởng ít nhiều đến kiến trúc điêu khắc của tháp.

Tháp Nhạn: được xây trên núi Nhạn, thuộc phường 1, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Tháp được xây dựng vào thế kỷ thứ XII (cũng có tài liệu nói là xây vào thế kỷ XIV). Tháp có bình đồ hình vuông, mỗi cạnh 10 mét, cao trên 20 mét.

Trong số những di tích cổ Chăm còn lại ở tỉnh Phú Yên, tháp Nhạn không chỉ là công trình còn lại vào loại nguyên vẹn nhất mà còn là một kiến trúc tháp có giá trị nhất cả về lịch sử cũng như nghệ thuật. Hiện nay cách tháp chừng 20m, còn nằm trên mặt đất đỉnh tháp bằng đá cao 1,60m và mỗi cạnh rộng 0,90m. Chòm tháp có chân hình vuông được chạm hình cánh sen ở phía dưới và đỉnh hình bầu nhon.

Tháp Po Nagar: Tháp Po Nagar hay tháp Bà là một ngôi đền tháp Chăm nằm trên đỉnh một ngọn đồi nhô cao khoảng 50 mét so với mực nước biển, ở cửa sông Cái (sông Nha Trang) tại thành phố Nha Trang, cách trung tâm thành phố khoảng 2 km về phía bắc, nay thuộc phường Vĩnh Phước. Tên gọi “Tháp Po Nagar” được dùng để chỉ chung cả công trình kiến trúc này, nhưng thực ra nó là tên của ngọn tháp lớn nhất cao khoảng 23 mét.

Tháp Hòa Lai: Tháp Hòa Lai là gồm có ba tháp hiện nằm ở làng Ba Tháp, xã Tân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Tháp được xây dựng ở thế kỷ 9 và được đánh giá là một trong những di tích cổ nhất và đẹp nhất hiện còn. Khu tháp được xây dựng trong một khoảnh đất

chữ nhật kéo dài theo hướng đông – tây, dài 200 mét, rộng 125 mét. Ngoài ba ngôi tháp, còn vết tích của nhiều kiến trúc phụ khác như tường gạch bao phía đông, tháp cổng, gian nhà dài ở khu sân ngoài và nhiều công trình nhỏ khác nhau.

Tháp Po Klong Girai: Tháp Po Klong Girai là một tổng thể gồm ba tháp: tháp chính (cao 20,5m), tháp lửa (cao 9,31m), tháp cổng (cao 8,56m). Công trình này có trình độ kiến trúc, nghệ thuật, điêu khắc đạt đến đỉnh cao. Tháp đã được Bộ Văn hóa xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1979. Tháp Po Klong Garai nằm trên đồi Trâu, thuộc phường Đô Vinh, cách trung tâm thành phố Phan Rang-Tháp Chàm 9km về phía Tây Bắc. Những dấu tích còn lại cho biết, xưa kia Po Klong Girai là một quần thể kiến trúc lớn gồm nhiều công trình lớn nhỏ khác nhau; nhưng hiện nay, chỉ còn lại ba ngôi kiến trúc gạch: tòa tháp chính (tháp thờ vua Po Klong Girai) ngôi tháp nhỏ phía đông (có thể là tháp cổng), ngôi tháp mái dài cong phía nam. Cả ba kiến trúc này, xét về mặt phong cách nghệ thuật, đều được xây dựng dưới thời vua Java Simhavarman III (cuối thế kỷ XIII-XIV) và có tên gọi là đền thần Java Simhalingesvara.

Tháp Po Rôme thuộc thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Được coi là phiên bản của tháp Po Klong Girai. Có thể thấy sự thừa hưởng có tính sáng tạo rất rõ nét ở công trình nghệ thuật kiến trúc này. Tháp được xây dựng ở vùng đất Panduranga vào cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17. Mặc dầu không trang nhã và tinh tế như các tháp cổ hơn, tháp Po Rôme vẫn là một kiến trúc tháp bằng gạch bề thế, hùng tráng của người Chăm và có giá trị lớn về nghệ thuật kiến trúc. Hơn thế nữa, Po Rôme còn là một trong số rất ít tháp Chăm còn nguyên vẹn đến nay.

Tháp Po Dam: Nhóm đền tháp Po Dam nằm trong khu vực làng Tuy Tịnh, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Tháp được xây dưới chân núi. Chưa có tư liệu nào khẳng định chính xác nhóm tháp đã được xây

Ảnh: Tháp Po Rome ; nguồn:
<http://vi.wikipedia.org>



dựng vào thế kỷ nào. Qua khảo sát về phong cách nghệ thuật, các nhà khảo cổ học chỉ tạm xác định tháp Po Dam cùng niên đại với tháp Hòa Lai (Ninh Thuận). Có thể nhóm tháp Po Dam được làm ở cuối thế kỷ VIII đầu thế kỷ thứ IX. Vào năm 1996, Bộ Văn hóa – Thông tin đã công nhận nhóm tháp Po Dam là di tích Văn hoá lịch sử Quốc gia.

Tháp Phú Hải: Quần thể tháp Po Sah Inur (hay còn gọi là tháp Phú Hải) nằm trên đồi Bà Nài (phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận). Nhóm tháp này được xây dựng từ khoảng cuối thế kỷ thứ VIII, đầu thế kỷ thứ IX. Hiện nay, quần thể này chỉ còn 3 tháp đều quay mặt về hướng Đông. Ngày 03/4/1991, nhóm đền tháp này được công nhận di tích cấp Quốc gia, lấy tên gọi chung là Quần thể tháp Po Sah Inur.

Tháp Yang Prong: Tháp Yang Prong (xã Ea Rok, huyện Ba Soup, tỉnh Đắk Lắk) được có bình đồ vuông (mỗi cạnh dài 5m) và cao 9m (vì phần đỉnh tháp đã bị đổ), nền tháp cao 0,80m, phía đông nhô ra một tiền sảnh làm cổng ra vào (rộng 1,06m). Nội thất tháp hẹp (2,40m x 2,50m) và không có dấu vết trang trí gì trên mặt tường. Không như các tháp Champa truyền thống với mái là một kết cấu ba tầng thu nhỏ dần về phía đỉnh, mái của tháp Yang Prong là một khối bốn mặt thắt nhỏ dần để rồi quy tụ ở đỉnh.

2. Nhận định về hiện trạng trùng tu các di tích đền tháp Chăm

Trước năm 1975 hầu như các tháp Chăm đều bị bỏ quên và bị chiến tranh tàn phá, chỉ có một số rất ít các tháp Chăm là được chú ý tôn tạo nhưng vẫn chưa đáng kể. Sau 1975, các tháp Chăm mới được chú ý bảo vệ và tôn tạo. Ngày 30/04/1980, tại Vác-xa-va, tiểu ban “tiểu ban hợp tác Ba Lan-Việt Nam về bảo quản, tu bổ các di tích kiến trúc dân tộc Chăm” do cố KTS Kazimiers Kwiatkowski (Kazic) phụ trách chính thức được thành lập. Tiểu ban có sự tham gia của nhiều chuyên gia, kỹ sư, kiến trúc sư, cán bộ nghiên cứu khảo cổ học, văn hóa học trong và ngoài nước. Tiểu ban này đã phối hợp với các cơ quan chức năng ở miền trung như bảo tàng tỉnh, các ban quản lý di tích để lập các dự án (thời kỳ đầu gọi là “luận chứng kinh tế-kỹ thuật”) tu bổ, tôn tạo cho hầu hết các nhóm di tích đền-tháp Chăm.

Trong các công trình tu bổ các tháp Chăm từ trước đến nay, về cơ bản cũng chỉ mới làm được một việc là giữ cho các công trình ở đây không bị tiếp tục hư hại, còn nói về kỹ thuật trùng tu thì những cách làm từ trước đến nay đều bộc lộ những điểm hạn chế riêng. Một số tháp như Pô Naga (Nha Trang), Tháp Đồi, tháp Bánh Ít (Bình Định), tháp Nhạn (Phú Yên), lớp da ngoài của những viên gạch mới xây bị mưa gió xâm thực, mọc rêu, gạch được mài lại vuông thành sắc cạnh làm mất đi chất mộc mạc của mảng tường gạch.

Tại tháp Hòa Lai, các đơn vị thiết kế và thi công đã tu bổ theo phương pháp phục hồi, đục chạm lại hoa văn trên các mảng tường được tu bổ giống như tháp được làm mới. Sau một thời gian thì những viên gạch được phục chế đã bị mùn lóp mặt sau một thời gian ngắn.

Tại tỉnh Quảng Nam, dự án trùng tu, tu bổ cấp thiết F1 đã được triển khai vào năm 2001 với UBND huyện Duy Xuyên làm chủ đầu tư. Trong khi đào bới khai quật, khu tháp F1 có nguy cơ bị ngã đổ. Để bảo vệ khu tháp, cơ quan trùng tu đã dùng các thanh sắt chống

đỡ và cho xây dựng mái che bằng tôn phía trên. Kể từ đó đến nay thì vẫn chưa có một phương án trùng tu nào được đưa ra.

Tại Bình Định, trong thời gian qua, với kinh phí cấp từ các chương trình mục tiêu của trung ương, Bình Định đã gia cố, chống xuống cấp hầu hết các di tích Chăm. Tuy nhiên thực tế phần lớn các tháp tại đây đều được trùng tu theo hướng “phục chế, hoàn nguyên” bằng các loại vật liệu hiện đại như xi măng, gạch mộc, với phương pháp “suy diễn đối xứng”.

Cụm tháp Bánh Ít và tháp Đồi ở thành phố Quy Nhơn được cho là đã hoàn tất trùng tu trông ngoài vỏ mới như vừa xây xong, nhưng điều đáng lưu ý nhất thể hiện trong thân và lòng tháp, đơn vị trùng tu sau khi gắn gạch xong đã dùng xi măng tô láng.

Tại Ninh Thuận và Bình Thuận, tất cả các nhóm tháp Chăm đều ở trong tình trạng hư hỏng trầm trọng. Trong thời gian từ 1986-1989, nhờ sự giúp đỡ của các chuyên gia Ba Lan, tháp Po Klong Garai ở Phan Rang mới có những bước gia cố chống sụt đổ đầu tiên. Dự án trùng tu kéo dài đến năm 1987 thì hoàn chỉnh những hạng mục cơ bản của tháp Chính, tháp Nhà và tháp Cổng cùng một bức tường dài gần 50m ở phía Nam cũng được phát hiện và phục hồi.

Cũng trong thời điểm này các chuyên gia Ba Lan và các kiến trúc sư, kỹ sư của Trung tâm Thiết kế và Tu bổ di tích cũng đã đến nghiên cứu khảo sát hiện trạng các nhóm tháp Pô Rôme và Phú Hải để chuẩn bị cho các phương án tu bổ sau này. Đến nay thì đã hoàn thiện và Tháp Hòa Lai đã được cứu vãn kịp thời, hiện nay tháp trở thành nơi tham quan du lịch nổi tiếng của thành phố Phan Thiết.

Tháp Po Dam ở xã Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận đã bị xuống cấp trầm trọng. Năm 1996, Bộ Văn hóa – Thông tin đã công nhận nhóm tháp Po Dam là Di tích Văn hoá lịch sử Quốc gia. Từ đó nhóm đền tháp đã được đưa vào dự án trùng tu theo danh mục Di sản Văn hoá. Bộ Văn hóa Thông tin đã cấp trên 200 triệu đồng để trùng tu tháp chính.

Có thể nói trong thời gian qua đã có nhiều phương pháp trùng tu được áp dụng. Có một thực tế là gần 20 năm qua, hầu như mỗi tháp là mỗi thử nghiệm, mỗi tìm tòi trong cách thức trùng tu nhưng đến nay vẫn chưa tìm được phương pháp khả quan nhất. Đơn cử như phương pháp dùng nhựa cây bời lồi, ô được để kết nối các viên gạch sau khi gạch được mài khít với nhau áp dụng ở tháp Hòa Lai (Ninh Thuận), tháp Dương Long (Bình Định) đã gặp những “sự cố”: mặt ngoài viên gạch tu bổ được mài nhẵn, chạm khắc đã bị mùn lớp mặt. Phương án chống sập các di tích bằng những mảng tường xi măng mới ốp, dựng bên cạnh. Hoặc dùng phương pháp liên kết hai viên gạch bằng cách khoan lỗ ở giữa chúng rồi đổ xi măng và úp hai viên vào nhau. Nhìn bề ngoài không thấy mạch vữa nhưng liên kết xi măng ở giữa vẫn giữ đứng được công trình. Phương pháp trùng tu này khi mới hoàn thành thì trông thật đẹp nhưng sau một mùa mưa, chất xi măng hoà tan trôi ra, kết tủa trên mặt gạch trông loang lổ và nham nhở. Nhưng không thể phủ nhận một sự thật là phương pháp này đã chứng tỏ hiệu quả về mặt bảo tồn, chống sập trước sự hủy hoại của thời gian ở tháp Chiên Đàn và một số tháp trong cụm tháp Chăm Mỹ Sơn.

3. Những vấn đề được đặt ra hiện nay

Trước hết ta phải thừa nhận hiệu quả và đóng góp to lớn của việc tu bổ tôn tạo di tích Chăm, với công việc này chúng ta đã cứu nguy và phục hồi lại hàng chục các đền tháp thoát khỏi cảnh hoang tàn đổ nát, trả lại các giá trị vốn có của từng di tích, một số nơi đã phát huy các giá trị đó vào hoạt động du lịch văn hóa và đã đạt được những kết quả kinh tế to lớn. Trùng tu cứu các ngôi tháp Chăm chính là mong ước bao đời của đồng bào dân tộc Chăm, thể hiện sự quan tâm chăm lo của Đảng và Nhà nước ta trong việc bảo tồn những di sản văn hóa dân tộc. Những kết quả đạt được đó chính là nhờ vào sự đóng góp và thể hiện khả năng chuyên môn của tập thể những kiến trúc sư, những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước cùng các cơ

quan đơn vị công tác. Tuy nhiên, công tác trùng tu di tích là một công tác cực kỳ khó khăn và cần có sự thận trọng trong từng bước. Cả nước chỉ có một cơ quan vừa nghiên cứu, vừa thiết kế tu bổ tôn tạo. Hơn 30 năm qua nhà nước ta đã dành nhiều thời gian và công sức cho công tác này, hơn 10 năm đầu chúng ta được sự giúp đỡ rất nhiều của các chuyên gia Ba Lan cả về phương tiện và kỹ thuật, khoảng từ 1991 đến nay các kiến trúc sư, kỹ sư của ta mới thực sự đảm nhiệm công việc này từ khâu đầu tiên đến khâu cuối cùng. Do vậy chúng ta hiện nay có một số vấn đề đặt ra mà chúng ta cần phải giải quyết để những gì chúng ta làm thật sự có hiệu quả hơn nữa. Góp phần vào việc bảo tồn giữ gìn di sản văn hóa của chúng ta và của cả nhân loại.

➤ Về phía các cơ quan chức năng thực hiện công tác trùng tu

Cần có sự phối hợp của các chuyên ngành khoa học khác nhau có liên quan đến công tác trùng tu như hóa, sinh, địa chất, kết cấu... Sự hỗ trợ nghiên cứu, cung cấp thông tin lẫn nhau sẽ giúp các công việc trùng tu trở nên hiệu quả hơn, các phương pháp trùng tu sẽ được thực hiện chính xác, tránh được những rủi ro, sai lầm gây nguy hại đến di tích. Trong giai đoạn vừa qua vì không có điều kiện hợp tác nên một số công tác như bảo quản hiện vật, giám định hiện vật và một số dự định gia cố lớn về nền móng chưa được thực hiện. Điển hình như trong quá trình trùng tu tháp Dương Long đã tìm thấy rất nhiều hiện vật có giá trị, nhưng do thiếu sự liên kết giữa các ngành và cả sự nhập nhằng của cơ chế nên những hiện vật đó bị phơi mưa phơi nắng trong một thời gian dài.

Các đơn vị trùng tu cũng cần phải thống nhất về quan điểm trùng tu hoặc ít nhất cũng nên tôn trọng các nhà thiết kế. Ở nhiều nơi, tâm lý muốn có một di tích nguyên vẹn và nhiều quan điểm khác nhau cũng cản trở nhiều cho công việc, khiến phải mất rất nhiều thời gian để giải thích, trình bày. Cá biệt lại có những nơi tự động cho tiến hành trùng tu theo ý riêng không đúng với thiết kế, hoặc dùng quyền bèn

A buộc cho bên B thì công thực hiện theo ý mình, đặt người thiết kế vào tình trạng khó xử.

Một vấn đề đáng quan tâm nữa đó là tình trạng chạy tiến độ thi công dẫn đến nhiều phế tích, nhiều thành phần mới được phát hiện (phần lớn là các chân đế) hoặc đã bị lỡ đi hoặc bị làm ô, làm qua loa, thậm chí làm mới lại hoàn toàn mà không theo nguyên tắc trùng tu. Hiện nay, đây không chỉ là vấn đề của riêng công tác trùng tu các đền tháp Chăm mà đã trở thành vấn nạn khá trầm trọng và đáng báo động của công cuộc trùng tu di tích nói chung. Trong xu hướng “Người người làm trùng tu, ngành ngành làm trùng tu” như hiện nay thì các kết quả của khảo cổ học chưa thực sự được coi trọng, nếu không nói là bị gạt sang một bên đối với nhiều đơn vị tham gia thiết kế và thi công trùng tu.

Công tác trùng tu hiện nay rất thụ động, tùy thuộc vào yêu cầu của các địa phương. Vì vậy nhiều nhóm đền tháp dù đã và đang xuống cấp nghiêm trọng nhưng cơ quan trùng tu cấp trung ương cũng không thể chủ động đứng ra lập quy hoạch hay dự án trùng tu. Họ phải đợi cơ quan quản lý cấp địa phương đề xuất.

Có tình trạng cùng một di tích nhưng có đến hai nhóm thiết kế khác nhau do đó một số công việc sẽ không thống nhất, kể cả phương pháp trùng tu.

Hiện nay vẫn còn nhiều quan niệm khác nhau về tu bổ di tích. Đầu tiên là trùng tu di tích phải gắn với khai thác du lịch và ưu tiên cho các di tích có vị trí gần với các tỉnh lỵ và thành phố. Còn việc trùng tu di tích mới mục đích bảo tồn di sản văn hóa dân tộc thì vẫn còn bị xem nhẹ ở các cấp. Vấn đề này đòi hỏi phải có sự công bằng với các di tích văn hóa Chăm dù là ở vùng rừng núi hay thành phố, tỉnh lỵ, dù phục vụ cho bất cứ mục đích nào. Bởi vì tất cả các di tích đều có giá trị như nhau, ý nghĩa giống nhau với tư cách là di sản của nền văn hóa Chăm, di sản của đất nước và của cả nhân loại.

➤ Về phía các nhà nghiên cứu

Hiện nay với sự tìm hiểu nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, những

bí ẩn của các đền tháp Chăm đang dần được hé lộ. Những công trình nghiên cứu của họ đã đóng góp rất nhiều trong công tác trùng tu các di tích. Tuy nhiên về thực tế, những phát hiện của các nhà khoa học vẫn còn đang ở tính chất là giả thuyết hoặc chỉ mới chứng minh được phần nào, thậm chí các ý kiến đó lại đối lập nhau, phủ định lẫn nhau. Điều này có lẽ cũng dễ hiểu vì các di tích đền tháp Chăm là một thực thể được xây dựng trong quá khứ và đã trải qua hàng ngàn năm tồn tại và không phải tháp nào cũng được xây dựng bằng một phương pháp như nhau, chất liệu như nhau mà chúng thay đổi qua từng thời kỳ lịch sử. Do đó nghiên cứu tháp Chăm là một việc rất phức tạp và khó khăn, nhất là trong công tác trùng tu, để có hiệu quả thì chúng ta phải hiểu tháp, hiểu ở từng thực thể tháp mà chúng ta đang dự định trùng tu.

Hiện nay đo chưa thống nhất với nhau về kỹ thuật xây dựng tháp của người Chăm xưa và các chất liệu gạch, chất kết dính mà đã dẫn đến một số trùng tu theo kiểu “vừa trùng tu, vừa nghiên cứu”, “vừa trùng tu, vừa thực nghiệm”. Mà có lẽ điều này trái với nguyên tắc trùng tu là “không đặt giả thuyết”³.

➤ Về phía người dân

Ở một số di tích tháp Chăm mà gắn liền với những khu cư trú của người Chăm và những tháp Chăm đang được người Chăm thờ phụng. Trong quá trình trùng tu, do thiếu sự tuyên truyền giải thích về ý nghĩa và nguyên tắc của bảo tồn di sản, do đó việc trùng tu gặp không ít trở ngại từ người dân. Nhất là đối với họ, tháp Chăm là nơi linh thiêng, là nơi họ thực hiện những nghi lễ tôn giáo của mình.

4. Một số kiến nghị

● Về phía nhà nước

Những cơ quan có trách nhiệm cần có những quy định cụ thể hơn cho công tác trùng tu, đặc biệt là những quy định hỗ trợ như quy định về khảo cổ học, bảo tồn hiện vật... Tránh tình trạng chòng chẹo lẫn nhau về các quy định hành chính.

³ Lê Đình Phụng, 2005. *Tìm hiểu lịch sử kiến trúc tháp Champa*. NXB Văn hóa Thông tin. Hà Nội.

Cần đơn giản hơn nữa trong việc phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác bảo tồn. Tập trung các cơ quan chức năng về một đầu mối duy nhất và có những quy định ràng buộc, thống nhất chặt chẽ với nhau trong công tác. Tránh tình trạng một di tích mà nhiều cơ quan quản lý, trùng tu một di tích mà nhiều đơn vị thực hiện.

Kinh phí là vấn đề then chốt trong mọi việc, bảo tồn trùng tu các di tích là một công việc tuy phải thận trọng và kỹ lưỡng nhưng kinh phí thì phải được cấp đầy đủ và kịp thời. Nếu kinh phí bị quyết toán chậm thì sẽ kéo theo cả một khối lượng công việc phải bị đình trệ để chờ.

Bên cạnh đó cũng nên ban hành các quy định về đơn giá nhà nước, hỗ trợ về giá, bù trượt giá phát sinh do biến động thị trường nguyên vật liệu trong quá trình thi công thực hiện dự án.

Nguồn nhân lực trong ngành cũng là một vấn đề then chốt, Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo các cán bộ chuyên môn phục vụ trong ngành.

Công tác trùng tu di tích là công việc mà các quốc gia ở phương Tây đã có rất nhiều kinh nghiệm. Do đó chúng ta cần phải đẩy mạnh các chương trình giao lưu, hợp tác trao đổi kinh nghiệm với họ. Việc học tập những kinh nghiệm của các đối tác nước ngoài sẽ giúp cho ta rất nhiều, từ đó giảm bớt được thời gian, kinh phí cũng như công sức.

• Về phía các cơ quan chức năng thực hiện công tác trùng tu

Các cơ quan trùng tu chính là những đơn vị trực tiếp thực hiện các công việc của công tác trùng tu từ khâu khảo sát, thiết kế, lập án trùng tu cho đến các đơn vị thi công, giám sát. Thường thì Viện bảo tồn di tích trung ương, Cục di sản văn hóa trực thuộc Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch và các cơ quan chức năng địa phương như Bảo tàng, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch sẽ chịu trách nhiệm về khâu tư vấn, khảo sát, thiết kế và lập dự án. Các đơn vị địa phương sẽ chịu trách nhiệm trong công tác

giám sát và thuê mướn các đơn vị thi công. Cuối cùng là các đơn vị thi công trực tiếp trên di tích, các đơn vị này thường là những đơn vị xây dựng cơ bản của nhà nước như các đơn vị thuộc Viện Khoa học công nghệ thuộc Bộ Xây dựng... Do đó công tác bảo tồn được phân chia nhiệm vụ cho rất nhiều các cơ quan khác nhau. Điều này tạo điều kiện thuận lợi trong việc phối hợp công việc và có tính chuyên môn cao. Tuy nhiên, nó cũng tạo nên sự chồng chéo của bộ máy quản lý và nếu không có sự phối hợp chặt chẽ thì rất dễ bị chậm trễ trong các dự án.

Tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan liên quan như khảo cổ, bảo tàng, tránh tình trạng khai quật hiện vật rồi để đó. Cần chú ý hơn về công tác khảo cổ và bảo tồn hiện vật tìm thấy.

Thống nhất với nhau về quan điểm trùng tu và tôn trọng các nhà thiết kế, chấp hành tốt luật di sản và các nguyên tắc trùng tu di tích đã được thông qua, không làm bừa, làm ẩu, làm theo già thuyết.

Trùng tu di tích là một công việc phức tạp và đòi hỏi có sự thận trọng, tỉ mỉ, nghiên cứu kỹ lưỡng trước khi thực hiện. Do phải tránh tình trạng chạy tiến độ thi công, hối thúc các đơn vị thi công dẫn đến làm qua loa, đại khái, gây ra những sai sót cho di tích cổ và làm khó khăn cho công tác bảo tồn ở thế hệ sau.

Cần chủ động trong công tác lập quy hoạch, lập dự án trùng tu, không đợi đến khi di tích bị nguy hại nghiêm trọng rồi mới tiến hành trùng tu. Mà việc đó phải thực hiện ngay từ bây giờ để kịp thời ngăn chặn sự xuống cấp của di tích và hạn chế phần nào khó khăn trong thi công.

Cơ quan có nhiệm vụ lập quy hoạch, dự án, thiết kế kỹ thuật phải trực tiếp tham gia vào quá trình thi công trùng tu để có sự giám sát chặt chẽ và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh xảy ra.

Tuyệt đối không đặt quan điểm ưu tiên trùng tu cho các di tích vì mục đích du lịch. Cần phải có sự công bằng đối với mọi di tích. Tuy nhiên với điều kiện chúng ta hiện nay đó là thiếu về kinh phí lẫn phương tiện kỹ thuật

thì chúng ta phải đặt ưu tiên cho những di tích đang bị tổn hại nghiêm trọng nhất. Như vậy mới thể hiện quan điểm trùng tu vì mục đích bảo tồn di sản.

• *Về phía các nhà nghiên cứu*

Trước hết chúng ta phải thực sự cảm ơn những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, trong suốt thời gian từ nửa cuối thế kỷ XIX đến nay, đã có biết bao thế hệ các nhà khoa học đã dành trọn công sức và cuộc đời của mình cho các di tích đền tháp Chăm. Những công trình nghiên cứu của họ chính là những cứ liệu khoa học quý giá phục vụ cho công tác trùng tu.

Tuy nhiên cho đến nay vẫn tồn tại một số vấn đề về kỹ thuật xây dựng mà chúng ta vẫn còn đang tiếp tục phải nghiên cứu sâu hơn nữa để hé mở những phương pháp xây dựng tháp mà các kiến trúc sư người Chăm xưa đã sử dụng.

Chỉ khi nào hiểu và nắm được những điều đó thì chúng ta mới có được phương cách để trùng tu tháp hiệu quả nhất. Do đó trách nhiệm của những nhà nghiên cứu tháp Chăm là hết sức to lớn và quan trọng. Để đạt được nhiều đó thì cần phải đào tạo nguồn nhân lực trong ngành, đẩy mạnh các chương trình nghiên cứu, có những chính sách hỗ trợ cho các nhà nghiên cứu. Bên cạnh đó phải thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, trao đổi văn hóa để các nhà nghiên cứu có điều kiện ngồi lại với nhau, chia sẻ kiến thức và thống nhất quan điểm. Nếu làm tốt vấn đề này thì trong tương lai cánh cửa bí ẩn của các đền tháp Chăm sẽ được hé mở và các di tích sẽ được quan tâm hơn, quản lý bảo vệ tốt hơn.

• *Về phía người dân*

Trùng tu, chăm sóc di sản kiến trúc tôn giáo của một dân tộc, thì cơ quan trùng tu phải tôn trọng chủ thể sở hữu của nó. Dân tộc Chăm hiện nay là hậu duệ của những người đã xây dựng nên những tuyệt tác kiến trúc đó. Nhất là đối với những di tích còn đang được thờ phụng và là nơi tổ chức các lễ hội tôn giáo như tháp Po Rome, tháp Po Klong Girai, Phú Hải...

Những vấn đề xảy ra trong thời gian qua, khi trong quá trình trùng tu người dân đến có ý kiến và phản đối phương pháp trùng tu, đó là do cơ quan trùng tu chưa có sự giải thích, tuyên truyền đầy đủ về ý nghĩa và nguyên tắc trùng tu di tích. Trong thời gian tới cơ quan trùng tu phải làm tốt hơn vấn đề này, phải có những phương cách để người dân hiểu và thông cảm cho việc trùng tu.

Bên cạnh đó các di tích đền tháp Chăm không chỉ là di sản của riêng dân tộc Chăm mà đã là di sản văn hóa của đất nước. Vì thế các cơ quan trùng tu phải thể hiện thái độ trân trọng và biết ơn chủ thể dân tộc Chăm, những người đã tạo nên nó.

Tóm lại, qua quá trình tồn tại của mình, dân tộc Chăm đã để lại một tài sản văn hóa đồ sộ trên nhiều lĩnh vực. Những ngôi tháp Chăm hiện nay vẫn còn đó và mãi mãi tồn tại dù trải qua nhiều thăng trầm lịch sử cũng như sự bào mòn của thời gian, thiên nhiên khắc nghiệt. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Chăm với những nét rất riêng của từng phong cách như một bức tranh tổng quát nhất về lịch sử hình thành và phát triển của nền văn hóa Chăm. Những giai đoạn lịch sử, những sự kiện quan trọng hay nền tảng tư tưởng tâm linh của người Chăm đã được thể hiện rõ nét trong từng vết khắc mũi đục của người nghệ nhân Chăm.

Trong công tác trùng tu trước đến nay, nhờ nỗ lực của các cơ quan chức năng, những cá nhân, tập thể trong và ngoài nước đã cùng chung tay góp phần cứu nguy và bảo vệ cho các di tích. Mặc dù vẫn nhiều vấn đề còn tồn tại cả chủ quan lẫn khách quan nhưng với những cố gắng vượt bậc, các tháp thiêng đang hồi sinh và đứng vững trên những ngọn đồi cao. Trong thời gian tới, nhà nước cần có những cố gắng hơn nữa để phát huy những thành quả đạt được và tiếp tục cứu nguy cho những ngôi tháp. Trong giai đoạn hiện nay, với chủ trương phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của Đảng và chính phủ, việc nguyên cứu sâu hơn, rộng hơn cũng như việc trùng tu, bảo tồn

các di tích Chăm là một việc làm vô cùng cấp thiết. Từ đó sẽ góp phần bảo tồn các di sản văn hóa dân tộc ngày một tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ngô Văn Doanh, 1998, *Tháp cổ Chăm-pa sự thật và huyền thoại*, NXB Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
2. Huỳnh Thị Được, 2008, *Điêu khắc Chăm và thần thoại Ấn Độ*, NXB Đà Nẵng, Tp. Đà Nẵng.
3. Parmentier, 1909-1918, *H. Inventaire Descriptif des Monuments Cham de L'Annam*, Paris. (Bản dịch tư liệu Viện khảo cổ học)
4. Trần kỳ Phương, 1988, *Mỹ Sơn trong lịch sử nghệ thuật Chăm*, NXB Đà Nẵng, Tp.Đà Nẵng.
5. Cao Xuân Phô - Phạm Huy Thông – Nguyễn Văn Kự, 1988, *Điêu khắc Chăm*. NXB Khoa học Xã Hội, Hà Nội.
6. Lê Đình Phụng, 2005, *Tìm hiểu lịch sử kiến trúc tháp Champa*, NXB Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.